

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2025/DS-ST
Ngày: 20-3-2025
V/v Tranh chấp dân sự về hợp
đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Thái Văn Cường.
- Ông Nguyễn Văn Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 568/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp dân sự về hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp T1, xã T2, huyện X, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đặng Tấn L, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp B, xã T2, huyện X, tỉnh Tây Ninh; ông Phan Văn D, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp T3, xã H1, huyện C1, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 02-10-2024); có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Huỳnh Thanh N, sinh năm 1972; có đơn xin xét xử vắng mặt;

2.2. Bà Huỳnh Thị Kim P2, sinh năm 1972; có đơn xin xét xử vắng mặt;

Cùng địa chỉ: ấp T1, xã T2, huyện X, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Phan Văn D trình bày:

Chị T có tham gia 04 dây hội do ông N, bà P2 làm chủ hội. Cụ thể:

- Dây thứ nhất: Dây hội 1.000.000 đồng, hội khai ngày 30-3-2022 (D lịch), mãn ngày 30-02-2024 (D lịch), hội 24 phần, chị T tham gia 02 phần, đóng 19 lần với số tiền $2 \times 13.390.000$ đồng = 26.780.000 đồng.

- Dây hội thứ hai: Dây hội 2.000.000 đồng, hội khai ngày 10-9-2022 (D lịch), mãn ngày 10-12-2023 (D lịch), hội 16 phần, chị T tham gia 02 phần, đóng 14 lần với số tiền $2 \times 21.720.000$ = 43.440.000 đồng.

- Dây hội thứ ba: Dây hội 2.000.000 đồng, hội khai ngày 10-9-2022 (D lịch), mãn ngày 10-12-2023 (D lịch), hội 16 phần, chị T tham gia 01 phần, đóng 14 lần với số tiền 21.545.000 đồng.

- Dây hội thứ tư: Dây hội 3.000.000 đồng, hội khai ngày 20-6-2023 (D lịch), mãn ngày 20-10-2024 (D lịch), hội 17 phần, chị T tham gia 01 phần, đóng 04 lần với số tiền 8.210.000 đồng.

Thực tế, chị T đã đóng cho bà P2, ông N số tiền 99.975.000 đồng tiền hội sống. Sau khi bẻ hội, chị T và bà P2 có thỏa thuận bà P2 sẽ trả cho chị T số tiền 100.000.000 đồng, đến nay đã trả được 2.000.000 đồng, hiện còn nợ lại 98.000.000 đồng. Ngày 24-3-2025, anh D có văn bản chỉ yêu cầu bà P2, ông N trả số tiền mà hai bên đã thỏa thuận 98.000.000 đồng và lãi suất kể từ ngày 04-10-2024 đến khi xét xử sơ thẩm. Anh rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 29.481.500 đồng.

Ngày 13-01-2025, chị T có đơn khởi kiện bổ sung về việc yêu cầu ông N, bà P2 trả số tiền 135.415.000 đồng và lãi chậm trả tính từ ngày 01-02-2025 đến khi kết thúc vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Thị Kim P2 trình bày: Bà thống nhất chị T có tham gia 04 dây hội do bà làm chủ như lời trình bày của đại

diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Tổng cộng, chị T đã đóng cho vợ chồng bà được 99.975.000 đồng tiền hội sống. Đến tháng 10-2023 do những người đã hót hội không có đóng hội chết cho bà, bà không có khả năng chàng hội nên tuyên bố bãi hội vào tháng 10-2023. Sau đó, giữa bà và chị T có thỏa thuận sẽ trả cho chị T số tiền 100.000.000 đồng. Từ khi bãi hội, bà đã trả cho chị T được 2.000.000 đồng, hiện còn nợ lại 98.000.000 đồng. Do đó, bà chỉ đồng ý trả cho chị T 98.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm kể từ ngày 04-10-2024 đến khi xét xử sơ thẩm, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin trả dần cho chị T, trả mỗi tháng 1.000.000 đồng, trả đến khi hết nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Huỳnh Thanh N trình bày: Ông là chồng của bà P2, ông biết và có phụ giúp trong việc bà P2 làm chủ hội. Nay ông thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của bà P2, không bổ sung hay yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Huỳnh Thanh N, bà Huỳnh Thị Kim P2 có trách nhiệm liên đới trả cho chị T số tiền 98.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm kể từ ngày 04-10-2024 đến khi xét xử sơ thẩm. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 29.481.500 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Thanh N, bà Huỳnh Thị Kim P2 có trách nhiệm trả số tiền hội 98.000.000 đồng và lãi suất. Ông N, bà P2 có địa chỉ ở ấp T1, xã T2, huyện X, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp dân sự về hợp đồng góp hội”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Tây Ninh.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Các đương sự có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.3] Về yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn: Ngày 06-01-2025, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp, nguyên đơn yêu cầu yêu cầu tính lãi suất 10%/năm kể từ ngày nộp đơn khởi kiện là 10-4-2024 đến khi xét xử sơ thẩm. Nhưng đến ngày 14-01-2025, Tòa án mới nhận được đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 13-01-2025 của nguyên đơn, yêu cầu ông N, bà P2 trả số tiền 135.415.000 đồng đồng và lãi chậm trả tính từ ngày 01-02-2025 đến khi kết thúc vụ án. Như vậy, yêu cầu bổ sung của nguyên đơn là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, Tòa án không xem xét yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Các đương sự đều thống nhất chị T có tham gia 04 dây hụi do bà P2, ông N làm chủ, với số tiền thực đóng là 99.975.000 đồng. Sau khi bà P2 tuyên bố bế hụi, bà P2 thỏa thuận sẽ trả cho chị T số tiền 100.000.000 đồng, từ khi bế hụi, bà P2 đã trả được cho chị T được 2.000.000 đồng, hiện còn nợ lại 98.000.000 đồng. Tại văn bản ngày 24-3-2025, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 29.481.500 đồng, chỉ yêu cầu ông N, bà P2 trả số tiền 98.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm kể từ ngày 04-10-2024 đến khi xét xử nên ghi nhận.

[2.2] Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất với mức 10%/năm kể từ ngày 04-10-2024 đến khi xét xử sơ thẩm, bị đơn đồng ý nên ghi nhận. Từ ngày 04-10-2024 đến ngày 20-3-2025 là 05 tháng 16 ngày, tiền lãi được tính cụ thể như sau: 5 tháng 16 ngày x 10%/năm x 98.000.000 đồng = 4.518.500 đồng.

[3] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông N, bà P2 có trách nhiệm trả cho chị T số tiền 102.518.500 đồng (trong đó có 98.000.000 đồng tiền hụi và 4.518.500 đồng tiền lãi). Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 29.481.500 đồng.

[4] Bà P2 trình bày xin trả dần cho chị T mỗi tháng 1.000.000 đồng, trả đến khi hết nợ. Xét thấy, yêu cầu của bà P2 không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị

Trần Thị Thanh T không phải chịu, hoàn trả cho chị T số tiền 3.300.000 (ba triệu, ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014695 ngày 31-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Tây Ninh. Ông Huỳnh Thanh N, bà Huỳnh Thị Kim P2 phải chịu 5.126.000 (năm triệu, một trăm hai mươi sáu nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 147, 244, Điều 210 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phurong;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh T đối với ông Huỳnh Thanh N, bà Huỳnh Thị Kim P2 về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng góp hui”.

Buộc ông Huỳnh Thanh N, bà Huỳnh Thị Kim P2 có trách nhiệm trả cho chị Trần Thị Thanh T số tiền 102.518.500 (một trăm linh hai triệu, năm trăm mười tám nghìn, năm trăm) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 29.481.500 (hai mươi chín triệu, bốn trăm tám mươi một nghìn, năm trăm) đồng.

3. Về án phí:

3.1. Chị Trần Thị Thanh T không phải chịu, hoàn trả cho chị T số tiền 3.300.000 (ba triệu, ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014695 ngày 31-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Tây Ninh.

3.2. Ông Huỳnh Thanh N, bà Huỳnh Thị Kim P2 phải chịu 5.126.000 (năm triệu, một trăm hai mươi sáu nghìn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Nguyễn

